

Đề chính thức

Thời gian: 45 phút

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Cấp độ		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
							Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNK Q	TL	TN K Q	TL			
Chủ đề 1 ADN và gen (6 tiết)	-Nêu được thành phần hóa học, tính đặc thù, đa dạng, cấu trúc không gian, NTBS, cơ chế tự nhân đôi của ADN. -Chức năng của gen -Sự tổng hợp ARN, tổng hợp Pr		-Trình bày được cấu trúc không gian, NTBS, cơ chế tự nhân đôi của ADN. -Sự tổng hợp ARN, tổng hợp Pr -Nêu được mối quan hệ giữa gen và tính trạng		-Giải thích tính đặc thù, đa dạng, NTBS, cơ chế tự nhân đôi của ADN. -Bản chất mối quan hệ giữa gen và tính trạng						
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	1 0.25đ 2.5 %	1 2.0đ 20%	2 0.5đ 5 %		1 0.25đ 2.5 %				5 3điểm =30%		
Chủ đề 2 NST (7 tiết)	-Nêu được tính chất đặc trưng bộ NST mỗi loài, sự biến đổi hình thái và diễn biến NST trong NP,GP - Nêu ý nghĩa NP, GP -Nhận biết NST giới tính và NST thường, cơ chế xác định giới tính.		-Trình bày được sự biến đổi hình thái và diễn biến NST trong NP,GP - Hiểu ý nghĩa NP, GP -So sánh NST giới tính và NST thường, cơ chế xác định giới tính		-Vận dụng để phân biệt được tính chất đặc trưng bộ NST mỗi loài, sự biến đổi hình thái và diễn biến NST trong chu kì tế bào, NP,GP liên quan đến cơ chế phân li và tổ hợp của các cặp NST. -Giải thích một số vấn đề trong đời sống liên quan đến NST giới tính và NST thường, cơ chế xác định giới tính						
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	2 0.5đ 5 %	1 1.0đ 10 %	1 0.25đ 2.5 %	1 1.0đ 10 %	1 0.25đ 2.5 %				6 3 điểm = 30 %		
Chủ đề 3 Các TN của Mendel (7 tiết)	-Nêu được phương pháp nghiên cứu và các thí nghiệm của Men Đen. -Phát biểu được các quy luật,biết về biến dị tổ hợp -Ý nghĩa các quy luật DT		-Hiểu được nhiệm vụ, nội dung và vai trò của DT học. -Trình bày được các thí nghiệm của Men Đen. -Phân tích được các quy luật, lấy ví dụ về biến dị tổ hợp		- Trên cơ sở phân tử và tế bào: Giải thích được nhiệm vụ, nội dung và vai trò của DT học -Phân tích cơ chế phương pháp nghiên cứu và các thí nghiệm của Men Đen. -So sánh được các quy luật, Liên hệ thực tế về biến dị tổ hợp -Giải thích các hiện tượng DT tuân theo các quy luật DT						
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	1 0.25đ 2.5%		3 0.75đ 7.5 %					1 3.0đ 30 %	5 4.0 điểm = 40 %		
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	6 4.0đ 40 %		7 2.5đ 25 %		3 3.5đ 35 %				16 10 100%		

Họ và tên học sinh:	ĐIỂM	LỜI PHÊ CỦA GIÁO VIÊN
..... Lớp:		

(Làm bài trực tiếp trên đề)

I. TRẮC NGHIỆM. (3 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào một đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D ở các câu sau:

Câu 1. Cấu trúc không gian của ADN là

- A. một chuỗi xoắn gồm một mạch đơn. B. hai chuỗi xoắn kép gồm bốn mạch đơn.
C. một chuỗi xoắn kép gồm hai mạch đơn. D. hai chuỗi xoắn kép gồm hai mạch đơn.

Câu 2. ADN được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân mà đơn phân gồm

- A. Các axit amin, ni tơ và photpho B. Cacbon, hydro, oxi, ni tơ và photpho.
C. Adenin, Uraxin, Xitozin, Guanin D. Adenin, Timin, Xitozin, Guanin.

Câu 3. Giữa hai mạch đơn của ADN tồn tại nguyên tắc bổ sung giữa nucleotit loại A với loại T; loại G với loại X nên:

- A. $A + T = G + X$. B. $A = X$; $T = G$ C. $A = G$; $T = X$ D. $A = T$; $G = X$

Câu 4. Trình tự chuỗi axit amin được quy định bởi:

- A. 20 loại axit amin. B. Trình tự các nucleotit trên ARN_t
C. Trình tự các bộ ba nucleotit trên ARN_m D. Các enzym trong tế bào

Câu 5. Bản chất quá trình thụ tinh là

- A. sự tổ hợp bộ NST của giao tử đực và giao tử cái
B. sự kết hợp nhân của giao tử đơn bội
C. sự kết hợp theo nguyên tắc: 1 giao tử đực với 1 giao tử cái
D. sự tạo thành hợp tử

Câu 6. Ở mèo bộ NST $2n = 38$. Hở kì sau nguyên phân trong tế bào có số NST là

- A. 12 B. 24 C. 16 D. 76

Câu 7. Việc nhân đôi NST từ dạng đơn thành kép trong nguyên phân có ý nghĩa sau:

- (1) Nhân đôi số NST trong tế bào.
(2) Đảm bảo ổn định bộ NST trong tế bào con giống tế bào mẹ.
(3) Đảm bảo nhân đôi số NST trong tế bào con.
(4) Các gen trên NST được nhân đôi và truyền đạt qua các thế hệ tế bào.

- A. (1).(2) B. (2).(4) C. (1).(4) D. (1).(3)

Câu 8. Một tế bào của loài $2n = 48$. Qua giảm phân tạo thành 4 tế bào con, số NST trong mỗi tế bào con là

- A. 24 B. 15 C. 12 D. 34

Câu 9. Phương pháp phân tích các thế hệ lai bao gồm:

- (1) Lai các cặp bố, mẹ khác nhau về một hay một vài cặp tính trạng thuần chủng, tương phản
(2) Theo dõi sự di truyền tất cả các cặp tính trạng trên đời con cháu.
(3) Theo dõi sự di truyền riêng của từng cặp tính trạng trên đời con cháu.
(4) Dùng toán thống kê phân tích và rút ra các quy luật di truyền các tính trạng.

- A. (1).(2).(3) B. (1).(3).(4) C. (1).(2).(4) D. (2).(3).(4)

Câu 10. Men Đen sử dụng đậu Hà Lan để làm thí nghiệm vì các lý do sau:

- (1) Đậu Hà lan có nhiều hoa, màu sắc đẹp. (2) Thời gian sinh trưởng ngắn (3 tháng).
(3) Tự thụ phấn dễ tạo dòng thuần chủng. (4) Các cặp tính trạng tương phản rõ ràng.

- A. (2).(3).(4) B. (1).(2).(3) C. (1).(2).(4) D. (1).(3).(4)

Câu 11. Câu trả lời nào sau đây là đúng khi nói đến di truyền?

- A. Các kiểu hình của bố mẹ, tổ tiên được truyền đạt cho con cháu
B. Di truyền là hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho con cháu.
C. Di truyền là hiện tượng truyền đạt các kiểu gen của bố mẹ, tổ tiên cho con cháu.

Câu 12. Câu trả lời nào sau đây là đúng khi nói đến biến dị tổ hợp?

B Là hiện tượng con sinh ra khác với bố mẹ về tất cả các tính trạng trên cơ thể.

D. Là hiện tượng con sinh ra khác nhau về tất cả các tính trạng trên cơ thể.

Câu 13. (2.0 điểm). Các phát biểu sau đây đúng hay sai? Giải thích.

b. Các nucleotit trên từng mạch đơn của ADN liên kết với nhau theo nguyên tắc bổ sung (NTBS)

d. Trong tế bào thường có hai loại axit nucleic.

Câu 15. (1.0 điểm) Bộ nhiễm sắc thể lưỡng bộ và bộ nhiễm sắc thể đơn bội khác nhau như thế nào? Cho ví dụ ?

Em hãy giải thích tỉ lệ trên và viết sơ đồ lai minh họa.

Người ra đề

Bài làm

A large, light blue watermark reading "K12 SCHOOL" is oriented diagonally from the bottom-left towards the top-right. To the left of the text, there is a small graphic consisting of a blue graduation cap, a light blue book, and an orange book.



SCHOOL

ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I/ Trắc nghiệm: (3 điểm) Mỗi câu đúng được 0.25 điểm

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐÁP ÁN	C	D	D	C	A	D	B	A	B	A	B	C

II/ Tự luận: (7 điểm)

Câu	ĐÁP ÁN	BIỂU ĐIỂM																
13 (2điểm)	Các phát biểu sau đây đúng hay sai? Giải thích. a. SAI vì các phân tử ADN trong tế bào khác nhau về trình tự sắp xếp, số lượng, thành phần các nucleotit	0.5đ																
	b. SAI. vì các nucleotit giữa hai mạch đơn của ADN mới liên kết với nhau theo nguyên tắc bổ sung (NTBS)	0.5đ																
	c. ĐÚNG. vì hai mạch đơn của ADN mẹ làm khuôn mẫu nên trong các ADN con có một mạch của ADN mẹ, một mạch mới được tổng hợp theo nguyên tắc bổ sung , vì vậy ADN con luôn giống nhau và giống ADN mẹ.	0.5đ																
	d. ĐÚNG. Vì trong tế bào thường có hai loại axit nucleic: AND và ARN	0.5đ																
14 (1điểm)	-Ở người do nam tạo 2 loại tinh trùng tỉ lệ ngang nhau là tinh trùng mang NST X và tinh trùng mang NST Y. Nữ tạo 1 loại trứng mang NST X.	0.5đ																
	-2 loại tinh trùng thụ tinh ngẫu nhiên với 1 loại trứng nên tỉ lệ dân số xấp xỉ 1nam : 1nữ (Có thể vẽ sơ đồ)	0.5đ																
15 (1điểm)	Trong tế bào sinh dưỡng, nhiễm sắc thể tồn tại thành từng cặp tương đồng. Bộ nhiễm sắc thể chứa các cặp tương đồng gọi là bộ NST lưỡng bội. Ví dụ : bộ NST lưỡng bội ở người $2n= 46$ NST (có thể lấy VD khác)	0.5đ																
	Trong giao tử, nhiễm sắc thể tồn tại thành từng chiếc trong cặp tương đồng. Bộ nhiễm sắc thể chứa mỗi chiếc trong cặp tương đồng gọi là bộ NST đơn bội. Ví dụ : tinh trùng ở người $n= 23$ NST(có thể lấy VD khác)	0.5đ																
16 (3điểm)	Tỉ lệ 3 đỏ : 1 trắng chứng tỏ hoa đỏ trội hoàn toàn so với hoa trắng (Theo quy luật phân li của Men đen)	1đ																
	Quy ước gen: Gen A quy định hoa đỏ; gen a quy định hoa trắng. ở đời con, kiểu gen hoa trắng aa ; 1a lấy từ mẹ, 1 a lấy từ bố suy ra đời bố (mẹ) hoa đỏ có kiểu gen Aa	1đ																
	<table><tr><td>P</td><td>Hoa đỏ</td><td>X</td><td>Hoa đỏ</td></tr><tr><td></td><td>Aa</td><td></td><td>Aa</td></tr><tr><td>G</td><td>A ; a</td><td></td><td>A ; a</td></tr><tr><td>F₁</td><td>AA ; Aa ;</td><td>aA ; aa</td><td></td></tr></table>	P	Hoa đỏ	X	Hoa đỏ		Aa		Aa	G	A ; a		A ; a	F ₁	AA ; Aa ;	aA ; aa		0.5đ
	P	Hoa đỏ	X	Hoa đỏ														
	Aa		Aa															
G	A ; a		A ; a															
F ₁	AA ; Aa ;	aA ; aa																
Kết quả F ₁ : Tỷ lệ kiểu hình 3 hoa đỏ : 1 hoa trắng Tỷ lệ kiểu gen 1AA : 2 Aa : 1aa	0.5đ																	

 F SCHOOL